TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH HƯNG** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-6-2022
Về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hải

Bà Phạm Thị Thúy Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Minh Tr1, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp G, xã Kh, huyện V, tỉnh Long An (địa chỉ cư trú hiện nay: Ấp S, xã H, huyện T, tỉnh Long An).

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn H1, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp G, xã Kh, huyện V, tỉnh Long An.

Bà Tr1 có mặt, ông H1 vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn ngày 16 tháng 3 năm 2022 nguyên đơn trình bày và thể hiện trong các tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án như sau:

Yêu cầu của bà Tr1: Xin được ly hôn với ông H1, yêu cầu nuôi con chung tên Võ Nhựt H2, sinh ngày 21/7/2014 không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nội dung vụ án và lý do yêu cầu được bà Tr1 trình bày như sau: Bà và ông H1 tìm hiểu nhau một thời gian khoảng 03 tháng thì về sống chung, không tổ chức lễ cưới; Vợ chồng bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kh, huyện V, tỉnh Long An ngày 20/8/2013. Sau khi cưới, hai vợ chồng sinh sống tại ấp G, xã Kh, huyện V, tỉnh Long An chung với cha mẹ chồng. Vợ chồng sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, ông H1 hay ghen và đánh bà. Đến khoảng cuối năm 2021 bà và ông H1 không còn sống chung, nay bà cũng không còn tình cảm với ông H1 nên xin ly hôn. Bà và ông H1 có một con chung tên Võ Nhựt H2, sinh ngày 21/7/2014 do bà trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

- Bị đơn ông H1 trình bày: Ông H1 được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không ghi nhận được lời trình bày của ông H1.

- Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định như vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án.

Nội dung vụ án: Bà Tr1 và ông H1 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp được giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình; Quá trình giải quyết vụ án, ông H1 cố tình vắng mặt tại các lần Tòa án triệu tập và tại các phiên tòa, ông H1 cũng không có ý kiến muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng; Mặt khác, vợ chồng bà Tr1 đã không sống chung nên cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không có hạnh phúc, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ; Con chung cháu Võ Nhựt H2 đã trên 07 tuổi có nguyện vọng muốn ở với bà Tr1, bà Tr1 có yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung bà Tr1 xác định không có. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 19, 51, 56, 81, 82, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Tr1: Bà Tr1 được ly hôn với ông H1, giao con chung cho bà Tr1 nuôi dưỡng và chăm sóc; Về cấp dưỡng nuôi con chung, chia tài sản chung và chia nợ chung không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Bà Tr1 yêu cầu ly hôn với ông H1, ông H1 có nơi cư trú tại xã Kh, huyện V, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Ông H1 được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt ông H1 là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà Tr1 và ông H1 được hình thành trên cở sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kh, huyện V vào ngày 20/8/2013 theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp, được giải quyết theo Luật Hôn nhân và gia đình;

Bà Tr1 xác định đã không còn tình cảm với ông H1, vợ chồng đã không còn sống chung từ cuối năm 2021 nên nay giữ nguyên yêu cầu được ly hôn; Ông H1 nhiều lần được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để làm việc là thể hiện việc bỏ mặc tình trạng hôn nhân của mình, để cho bà Tr1 tự định đoạt; Ông H1 cũng không đưa ra ý kiến hoặc biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của bà Tr1 và ông H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tr1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Con chung Võ Nhựt H2 đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với bà Tr1; Đồng thời, theo biên bản xác minh ngày 12/5/2022 tại ấp G, xã Kh thì con chung đang ở cùng bà Tr1, bà Tr1 có việc làm, có thu nhập ổn định đảm bảo đủ điều kiện chăm lo cho con chung phát triển về mọi mặt, ông H1 không có ý kiến về việc tranh chấp nuôi con. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Tr1, giao con chung cho bà Tr1 trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật tại các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Bà Tr1 không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[5] Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Bà Tr1 trình bày không có, còn ông H1 cũng không có yêu cầu vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến, trường hợp sau này giữa các đương sự có tranh chấp thì sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác.

Từ các nhận định trên, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu về ly hôn, tranh chấp nuôi con của bà Tr1.

[6] Về án phí: Do bà Tr1 không thuộc trường hợp được miễn án phí nên bà Tr1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình không giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Phạm Thị Minh Tr1 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Võ Văn H1.

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Minh Tr1 được ly hôn với ông Võ Văn H1.

Về nuôi con chung: Giao con chung tên Võ Nhựt H2 (Giới tính: Nam), sinh ngày 21/7/2014, cho bà Phạm Thị Minh Tr1 trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Bà Phạm Thị Minh Tr1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích của con chung hoặc cá nhân, tổ chức theo luật định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà Phạm Thị Minh Tr1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Phạm Thị Minh Tr1 đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003651 ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng sang tiền án phí.

Báo cho bà Phạm Thị Minh Tr1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Võ Văn H1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND,VKSND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Vĩnh Hưng;
- Chi cục THADS/H Vĩnh Hưng;
- UBND xã Kh, VH, LA;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuân Liễu